

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-4-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con và
nợ chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đạo

Ông Dương Công Núi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về vụ xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và nợ chung khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Đình D, sinh năm 1978

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn M, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1981

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn M, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội

Địa chỉ: Tòa nhà CC 5, bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Sỹ Đạo, Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn (Theo Giấy ủy quyền số 04/UQ-NHCS ngày 11/01/2022). Vắng mặt (Có đơn xin xét

xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khối phố Lương Văn Tri, thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Đình D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Đình D kết hôn với chị Dương Thị N vào năm 2001, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H huyện B vào ngày 30 tháng 11 năm 2001. Sau khi kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình chung sống đến khoảng tháng 9 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Nga có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, sau khi phát hiện anh D đã khuyên bảo chị N và nhờ hai bên gia đình khuyên bảo nhưng chị N không nghe, vẫn tiếp tục quan hệ với người đàn ông khác. Vợ chồng anh đã ly thân từ giữa năm 2020 đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau. Hiện nay, xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị N nữa, anh Hoàng Đình D yêu cầu được ly hôn với chị Dương Thị N.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Hoàng Đan D, sinh ngày 03/12/2007. Khi ly hôn anh Hoàng Đình D yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu chị Dương Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh Hoàng Đình D và chị Dương Thị N nợ Ngân hàng chính sách xã hội, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bắc Sơn số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), đến ngày 19/10/2021 anh Hoàng Đình D đã thanh toán được 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng) tiền gốc. Hiện nay còn nợ 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng), theo đơn khởi kiện anh D yêu cầu chị Dương Thị N phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng) cho Ngân hàng chính sách xã hội. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Hoàng Đình D xin thay đổi ý kiến là đối với số tiền nợ Ngân hàng còn lại là 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng), khi ly hôn anh D sẽ có trách nhiệm trả một nửa là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền gốc và lãi phát sinh trên nợ gốc và yêu cầu chị Dương Thị N phải có trách nhiệm thanh toán một nửa là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Về phía bị đơn, chị Dương Thị N không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh với đại diện thôn M, xã H và xác minh tại Công an xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đại diện thôn M xã H và Công an xã H đều khẳng định chị Dương Thị N vẫn cư trú tại thôn M, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Tòa

án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và lập biên bản niêm yết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị Dương Thị N vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội, người đại diện theo ủy quyền ông Trần Sỹ Đạo quá trình giải quyết vụ án có ý kiến như sau:

Vợ chồng anh Hoàng Đình D và chị Dương Thị N nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), lãi suất tiền vay 9%/năm, thời hạn vay 36 tháng, từ ngày 19/11/2018 đến ngày 19/11/2021. Ngày 19/10/2021, gia đình anh D, chị N đã trả được 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng), số dư nợ hiện nay còn 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng). Do khó khăn về tài chính do dịch bệnh Covid-19, gia đình đã làm đơn xin gia hạn nợ và đã được Ngân hàng chính sách chấp thuận, thời hạn cuối cùng trả nợ món vay là ngày 19/5/2022. Hiện nay, vợ chồng anh D chị N ly hôn, Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu vợ chồng anh D, chị N phải thanh toán số tiền gốc 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng) và lãi phát sinh trên nợ gốc cho Ngân hàng chính sách xã hội.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn chị Dương Thị N không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Hoàng Đình D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn anh Hoàng Đình D đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn chị Dương Thị N vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Hoàng Đình D. Về con chung: Giao con chung tên là Hoàng Đan D, sinh ngày 03/12/2007 cho

anh Hoàng Đình D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Dương Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung: không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 15.000.000 đồng gốc và lãi trên nợ gốc. Khi ly hôn anh Hoàng Đình D có trách nhiệm trả một phần nợ là 7.500.000 đồng gốc và lãi phát sinh trên nợ gốc, chị N có trách nhiệm trả 7.500.000 đồng gốc và lãi phát sinh trên nợ gốc cho Ngân hàng chính sách xã hội theo Hợp đồng vay vốn ngày 19/11/2018 đã ký với Ngân hàng.

Về án phí, buộc nguyên đơn anh Hoàng Đình D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Hoàng Đình D khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con và nợ chung. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và nợ chung khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Dương Thị N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thôn M, xã H, huyện B. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Bị đơn chị Dương Thị N vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Dương Thị N là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa anh Hoàng Đình D và chị Dương Thị N là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 30/11/2001 nên quan hệ hôn nhân giữa anh Hoàng Đình D và chị Dương Thị N là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh Hoàng Đình D cho rằng chị Dương Thị N có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2020 đến nay không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa anh Hoàng Đình D và chị Dương Thị N thấy rằng: Vợ chồng chung sống không còn tin tưởng, nghi ngờ lẫn nhau, vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm gì đến nhau là vi phạm về quyền và nghĩa vụ về tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, chị Dương Thị N không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến về việc anh Hoàng Đình D có đơn xin ly hôn với chị. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh D và

chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Hoàng Đình D yêu cầu ly hôn với chị Dương Thị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu về con chung của anh Hoàng Đình D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 58, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Do đó cần giao con chung là cháu Hoàng Đan D, sinh ngày 03/12/2007 cho anh Hoàng Đình D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), đó cũng là nguyện vọng của cháu Hoàng Đan D. Về cấp dưỡng nuôi con, do anh Hoàng Đình D không yêu cầu nên chị Dương Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị Dương Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Anh Hoàng Đình D trình bày là không yêu cầu giải quyết, quá trình giải quyết vụ án chị Dương Thị N vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng) gốc và lãi trên nợ gốc. Theo đơn khởi kiện anh Duyên yêu cầu chị Dương Thị N phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng) cho Ngân hàng chính sách xã hội. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Hoàng Đình D xin thay đổi ý kiến là đối với số tiền nợ Ngân hàng còn lại là 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng), khi ly hôn anh D sẽ có trách nhiệm trả một nửa là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền gốc và lãi phát sinh trên nợ gốc và yêu cầu chị Dương Thị N phải có trách nhiệm thanh toán một nửa là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu của anh Hoàng Đình D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, khi ly hôn anh Hoàng Đình D có trách nhiệm trả một phần nợ là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) gốc và lãi phát sinh trên nợ gốc, chị Nga có trách nhiệm trả 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) gốc và lãi phát sinh trên nợ gốc cho Ngân hàng chính sách xã hội theo Hợp đồng vay vốn ngày ngày 19/11/2018 đã ký với Ngân hàng.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Hoàng Đình D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận anh Hoàng Đình D đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0002674 ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Đình D được ly hôn với chị Dương Thị N.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Đan D, sinh ngày 03/12/2007 cho anh Hoàng Đình D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Dương Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Dương Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Hoàng Đình D và chị Dương Thị N nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng) gốc và lãi phát sinh trên nợ gốc. Khi ly hôn anh Hoàng Đình D có trách nhiệm trả một phần nợ là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) gốc và lãi phát sinh trên nợ gốc, chị Dương Thị N có trách nhiệm trả một phần nợ là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) gốc và lãi phát sinh trên nợ gốc cho Ngân hàng chính sách xã hội theo Hợp đồng vay vốn ngày 19/11/2018 đã ký với Ngân hàng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì phải chịu lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán, theo lãi suất các bên có thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

5. Về án phí: Buộc anh Hoàng Đình D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận anh Hoàng Đình D đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/002674 ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Hoàng Đình D có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Dương Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội, người đại diện ông Trần Sỹ Đạo vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Ngọc